TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1983; có mặt.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H lấy nhau toàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 16/4/2009. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Theo ý kiến của chị Nguyễn Thị M trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh H thường xuyên tụ tập bạn bè chơi lô đề, cờ bạc thua lỗ làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Nhiều lần chị khuyên bảo anh H thay đổi, tu chí làm ăn nhưng anh H không thay đổi mà còn đánh chửi, đe dọa chị và luôn

có thái độ coi thường chị nên chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến ngày 22/4/2023 là sinh nhật chị, anh H đề nghị cùng tổ chức sinh nhật nhưng chị không đồng ý và tự ý đi ăn sinh nhật cùng bạn về muộn thì anh H tức giận, dùng những lời lẽ thô tục mắng chửi nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh H đến nhà chị đập phá đồ đạc trong gia đình. Đại diện thôn Phúc Thủy, xã Hợp Lý đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh H được nữa nên chị không về đoàn tụ và phải thuê nhà để ở, vợ chồng ăn ở riêng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Ý kiến trình bày của anh Trịnh Văn H: Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023 do thỉnh thoảng anh có uống rượu, đánh bài với bạn bè bị thua lỗ làm ảnh hưởng đến kinh tế, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, thôn xóm đã hoà giải vợ chồng lại chung sống bình thường. Đến ngày 24/4/2023 là ngày sinh nhật của chị M, anh muốn gia đình cùng tổ chức sinh nhật nhưng chị M không đồng ý mà đi chơi với bạn bè đến sáng hôm sau mới về, nên anh bức xúc có mắng chửi nên chị M bỏ đi từ đó đến nay. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị M nên anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 04 con chung là cháu Trịnh Anh T, sinh ngày 22/12/2008, cháu Trịnh Đức H, sinh ngày 15/11/2011, cháu Trịnh Hải Đ, sinh ngày 13/01/2016 và cháu Trịnh Hương Tr, sinh ngày 30/9/2019. Hiện nay cháu T, cháu H, cháu Đ đang ở cùng anh H; cháu Tr đang ở cùng chị M.

Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H thoả thuận: Giao cháu Trịnh Đức H, cháu Trịnh Hải Đ và cháu Trịnh Hương Tr cho chị M nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Anh T cho anh H nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị M, mỗi cháu là 1.000.000 đồng (03 cháu là 3.000.000 đồng)/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện tại chị M và anh H đều làm nghề thu mua phế liệu tại xã Hợp Lý, thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.000.000 đồng và đều có chỗ ở ổn định.

Cháu Trịnh Anh T, cháu Trịnh Đức H và cháu Trịnh Hải Đ có lời khai lưu tại hồ sơ, đều đề nghị xin được ở với bố là anh Trịnh Văn H.

- *Về con riêng, con nuôi:* Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản và các vấn đề khác:* Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2023 tại Uỷ ban nhân dân xã Hợp Lý cung cấp các nội dung như sau: Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H kết hôn là hợp pháp, tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M, anh H không sinh sống tại địa phương mà đến thời điểm năm 2013 chị M, anh H mới chuyển về sinh sống tại thôn Phúc Thủy, xã Hợp Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cho đến

nay. Qúa trình chung sống tại địa phương, vợ chồng chị M, anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, đánh bạc thua lỗ làm ảnh hưởng đến kinh tế và cuộc sống của vợ chồng. Đại diện thôn Phúc Thủy cũng đã hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ 02 lần, lần đầu vào đầu năm 2023, sau đó chị M bỏ đi khoảng 01 tháng sau mới về thì có mời đại diện thôn đến để hòa giải cho vợ chồng chị M, anh H về đoàn tụ, tiếp tục chung sống cùng nhau. Đến cuối tháng 4/2023, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, đại diện thôn đến hòa giải, nhưng chị M không đồng ý về đoàn tụ cùng anh H, vợ chồng đã thuê nhà sống ly thân đến nay. Chị M, anh H đều có nghề thu mua phế liệu có thu nhập và có đủ điều kiện nuôi con, đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trịnh Thị M (là mẹ đẻ của chị M) trình bày: Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H phát sinh mâu thuẫn như anh chị khai báo với toà án, cũng như sự việc bà chứng kiến đều do anh H thường xuyên uống rượu chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh H nhiều lần đánh chửi chị M nên chị M đã thuê nhà để làm ăn riêng. Nay bà nhất trí việc chị M xin ly hôn với anh H. Về con chung, vợ chồng chị M, anh H có 04 con chung như anh chị trình bày là đúng. Nếu các cháu ở cùng chị M, bà sẽ cùng chị M chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, đảm bảo cho các cháu có cuộc sống tốt nhất.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M và anh H không thỏa thuận giải quyết được với nhau về các vấn đề trong vụ án.

Tại phiên tòa, các đương sự có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, anh Trịnh Văn H đề nghị vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Chị M và anh H thỏa thuận trường hợp vợ chồng ly hôn, giao cháu Trịnh Đức H và cháu Trịnh Hương Tr cho chị M nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Anh T và cháu Trịnh Hải Đ cho anh H nuôi dưỡng. Chị m và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị M và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cháu Trịnh Đức H và cháu Trịnh Hương Tr cho chị M nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Anh T và cháu Trịnh Hải Đ cho anh H nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con, tài sản và các vấn đề khác nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị M cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H là hợp pháp. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, nguyên nhân chính cả chị M, anh H và chính quyền địa phương đều xác định do anh H chơi cờ bạc dẫn đến thua lỗ tiền bạc, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Nhiều lần, chị khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi mà còn đánh chửi, đe dọa chị M. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 04 năm 2023, chị M đi chơi về muộn mà không được sự đồng ý của anh H dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên toà, anh H đề nghị vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M vẫn cương quyết xin ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh H là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H có 04 con chung là cháu Trịnh Anh T, cháu Trịnh Đức H, cháu Trịnh Hải Đ và cháu Trịnh Hương Tr.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, chị M và anh H thoả thuận giao cháu Trịnh Đức H, cháu Trịnh Hải Đ và cháu Trịnh Hương Tr cho chị M nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Anh T cho anh H nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị M, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên, tại phiên toà chị M và anh H thay đổi quan điểm và thống nhất thoả thuận giao cháu Trịnh Đức H và cháu Trịnh Hương Tr cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Anh T và cháu Trịnh Hải Đ cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các đương sự là chính đáng. Chị M và anh H đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đều đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc thoả thuận nuôi con khi ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H.

2. Về con chung:

Giao cháu Trịnh Đức H, sinh ngày 15/11/2011 và cháu Trịnh Hương Tr, sinh ngày 30/9/2019 cho chị Nguyễn Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Trịnh Anh T, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Trịnh Hải Đ, sinh ngày 13/01/2016 cho anh Trịnh Văn H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị M và anh Trịnh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn số tiền là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số AA/2021/0002331 ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Huy